

Thứ ba, ngày 12 tháng 12 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tiếp tục giằng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/12/2023		●	
Tuần 20/11-24/11/2023		●	
Tháng 12/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index vẫn chưa thể vượt qua vùng kháng cự 1,125 – 1,130 trong ngày hôm nay. Chỉ số kết phiên tại mốc 1,127.63 điểm, tăng nhẹ hơn hai điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/18 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành Công nghệ thông tin, theo sau là ngành Tài nguyên cơ bản,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. VN-Index vẫn tiếp tục củng cố trên ngưỡng SMA200, tuy nhiên xu hướng giằng co tại ngưỡng kháng cự 1,130 vẫn chưa kết thúc. Chỉ số cần vượt qua ngưỡng này với thanh khoản ủng hộ để xác nhận đà hồi phục.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30, VN30F2406 biến động trái chiều. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/12/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+2.13** điểm, đóng cửa **1127.63** điểm. HNX-Index **+0.34** điểm, đóng cửa **231.71** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.71)**, **HPG (+0.66)**, **FPT (+0.57)**, **VIC (+0.19)**, **CTG (+0.18)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-0.45)**, **VNM (-0.31)**, **BCM (-0.18)**, **SAB (-0.16)**, **PDR (-0.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,213** tỷ đồng, giảm **-10.59%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **13,978** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **6.42** điểm. Thị trường có **248** mã tăng, **106** mã tham chiếu, **222** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-307.6** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFNND (-105.5 tỷ)**, **MSN (-64.28 tỷ)**, **VNM (-61.33 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **41.26** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- **BSC30 +0.30%**. Các mã diễn biến tích cực: **FPT (+1.89%)**, **HPG (+1.64%)**, **IDC (+1.58%)**
- **BSC50 +0.46%**. Các mã diễn biến tích cực: **TNG (+4.19%)**, **VSC (+3.27%)**, **PC1 (+2.75%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Công nghệ Thông tin	1.77%	Bất động sản	0.02%
Tài nguyên Cơ bản	1.38%	Hóa chất	0.02%
Hàng & Dịch vụ Công	0.53%	Truyền thông	0.00%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.47%	Ô tô và phụ tùng	-0.15%
Xây dựng và Vật liệu	0.44%	Điện, nước & xăng	-0.16%
Ngân hàng	0.32%	Dầu khí	-0.32%
Bán lẻ	0.24%	Thực phẩm và đồ	-0.83%
Du lịch và Giải trí	0.19%	VN30	0.35%
Y tế	0.17%	VNSML	0.34%
Bảo hiểm	0.10%	VNMID	0.09%
Dịch vụ tài chính	0.03%		

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1127.63**
 Giá trị: 11213.34 tỷ **2.13 (0.19%)**
 Khối ngoại (ròng): -307.6 tỷ

HNX-INDEX **231.71**
 Giá trị: 1403.29 tỷ **0.34 (0.15%)**
 Khối ngoại (ròng): 41.26 tỷ

UPCOM-INDEX **85.28**
 Giá trị: 310.72 tỷ **-0.17 (-0.23%)**
 Khối ngoại (ròng): -2.32 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	76.3	0.56%
Giá vàng	1,981	-1.14%
Tỷ giá USD/VND	24,275	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	26,191	0.30%
Tỷ giá JPY/VND	166.69	0.39%
LS liên NH 1 tháng	0.99%	
LS TPCP 5 năm	1.80%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VND	68.52	FUEVFNND	-105.50
HPG	32.74	MSN	-64.28
VHC	19.25	VNM	-61.33
PC1	16.11	KBC	-39.59
VIC	15.06	VCB	-38.20

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 12/12/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	71.32	0.13%	-2.35%	-8.78%	-2.91%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	76.26	0.56%	-2.26%	-7.21%	-2.65%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.05	0.14%	-3.82%	-7.09%	-2.03%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.44	-5.51%	-9.47%	-28.27%	-61.99%		
TTF Gas	EUR/MWh	36.12	-6.43%	-9.94%	-24.55%	-73.56%		
Vàng	Ounce	1,980.65	-1.14%	-2.42%	1.79%	11.20%		PNJ
Bạc	Ounce	22.83	-0.59%	-6.77%	2.36%	-2.01%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,334.75	2.36%	2.18%	-2.34%	-8.92%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.23	0.19%	0.43%	-5.20%	-20.83%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	143.60	0.14%	0.84%	-2.64%	5.36%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	22.47	-3.81%	-12.94%	-18.91%	15.94%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	342.00	-1.58%	-2.29%	-15.03%	-37.82%		DPM, DCM
Niken	LB	16,608.00	1.85%	-1.41%	-5.55%	-43.14%		PC1
Đồng	LB	3.78	-1.07%	-1.08%	3.09%	-0.53%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,780.00	0.00%	3.73%	32.38%	5.30%		CSV
Thép	CNY/ton	3,987.00	0.05%	2.31%	2.55%	1.37%		HPG
Nhôm	Ton	2,125.50	-0.40%	-2.59%	-4.41%	-11.95%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 11/12, dầu thô Brent tăng 0.56% lên 76.26 USD/thùng. Dầu WTI tăng 0.13% USD lên 71.32 USD/thùng.
- Giá dầu đóng cửa tăng nhẹ do việc cắt giảm sản lượng của OPEC+ không thể xoa tan hoàn toàn lo lắng về dư cung dầu thô và dự kiến tăng trưởng nhu cầu nhiên liệu yếu hơn vào năm tới.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 1.14% xuống 1,980.65 USD/ounce sau khi giảm xuống mức thấp nhất kể từ ngày 20/11. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 2/2024 đóng cửa giảm 1% xuống 1,993.7 USD/ounce.
- Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất 3 tuần do USD và lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ mạnh, trong khi nhà đầu tư đợi một số cuộc họp quan trọng của ngân hàng trung ương và số liệu lạm phát của Mỹ có thể ảnh hưởng tới chính sách của Cục Dự trữ Liên bang.

Quặng sắt

- Quặng sắt giao tháng 5/2024 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên, Trung Quốc đóng cửa giảm 0.37% xuống 955 CNY (133 USD)/tấn.
- Giá quặng sắt giảm do tâm lý các nhà đầu tư khi chứng kiến số liệu yếu từ Trung Quốc - nước tiêu thụ quặng sắt hàng đầu thế giới cũng như nhu cầu đang giảm.

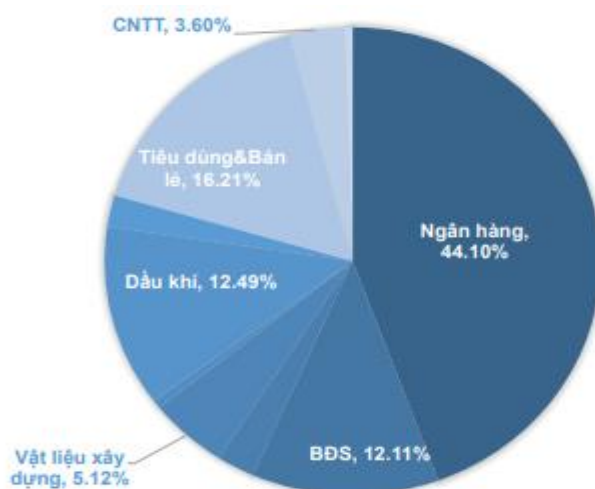
Giá hàng hóa khác

- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2024 đóng cửa giảm 0.81 US cent hay 3.6% xuống 21.65 US cent/lb sau khi thiết lập mức thấp nhất 5.5 tháng tại 22.17 US cent. Các đại lý cho biết một thay đổi chính sách ethanol của Ấn Độ trong tuần trước đã khiến giá giảm đồng thời sản lượng lớn hơn dự kiến tại Trung Nam Brazil.
- Lúa mì giảm mạnh do lo ngại chuỗi xuất khẩu lúa mì của Mỹ sang Trung Quốc trong tuần trước sẽ không tiếp tục.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	84.2	0.0%	0.6	19,430	3.5	5,797	14.5	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	41.9	1.2%	1.0	9,862	1.7	4,025	10.4	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.4	0.3%	1.0	6,371	5.5	1,727	11.3	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	31.0	0.6%	1.2	4,516	2.8	5,059	6.1	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.2	0.6%	1.2	3,929	3.7	3,496	5.2	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.0	0.5%	1.0	2,179	8.0	3,600	7.8	31,200	24.4%	Link
GVR	BDS KCN	20.4	0.0%	1.8	3,361	1.1	714	28.5	19,100	0.5%	Link
KBC	BDS KCN	32.2	-0.8%	1.6	1,020	6.5	4,368	7.4	42,500	20.3%	Link
IDC	BDS KCN	51.5	3.2%	1.4	702	9.7	3,969	13.0	45,900	11.1%	Link
VGC	BDS KCN	55.5	0.5%	1.7	1,027	1.5	2,651	20.9	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.0	1.6%	1.4	6,710	36.6	(328)	-85.2	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	41.0	0.1%	1.3	7,380	10.5	10,341	4.0	79,900	24.2%	Link
VRE	BDS	23.6	0.0%	1.2	2,219	3.0	1,588	14.9	38,900	32.1%	Link
KDH	BDS	31.4	0.0%	1.3	1,036	1.7	1,280	24.5	44,100	38.9%	Link
NLG	BDS	36.9	1.4%	1.2	586	1.9	1,582	23.3	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	97.0	-0.8%	1.3	1,521	4.6	10,728	9.0	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	34.1	1.0%	1.0	551	2.9	6,403	5.3	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	32.9	1.4%	1.4	719	3.3	4,286	7.7	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	78.2	-0.1%	0.7	7,416	1.5	5,567	14.0	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	35.4	-0.6%	1.0	1,860	0.8	2,125	16.7	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	39.4	1.5%	1.1	778	3.0	1,953	20.2	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	28.6	0.4%	1.0	655	2.4	449	63.6	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.6	0.0%	0.9	1,122	1.4	602	19.3	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	69.4	-0.9%	0.7	5,989	8.0	3,935	17.6	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	66.2	-1.9%	1.6	3,911	8.6	916	72.3	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	42.5	0.0%	1.4	2,566	10.5	1,069	39.7	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	80.3	0.4%	0.7	1,088	1.8	5,503	14.6	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	76.2	0.5%	0.8	588	1.5	7,080	10.8	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	70.6	0.1%	0.9	892	1.4	7,470	9.5	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	96.8	1.9%	0.8	5,076	16.3	4,573	21.2	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	27.0	0.60%	1.0	5,986	3.7	3,664	7.4	1.1	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.5	0.4%	0.9	3,608	3.0	3,722	6.0	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	18.8	0.3%	0.7	2,245	5.5	2,765	6.8	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	16.0	-0.9%	0.9	1,695	2.3	1,410	11.4	1.6	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	19.2	0.0%	1.2	2,011	1.8	3,534	5.4	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	22.0	0.5%	2.0	1,109	14.8	467	47.2	1.8	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	17.4	0.0%	1.1	1,577	1.7	2,697	6.4	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	32.6	-0.3%	1.6	2,018	16.8	1,090	29.9	2.2	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	17.4	0.3%	1.8	229	3.1	318	54.9	7.0	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	12.2	0.0%	1.9	0	0.5	445	27.4	1.2	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	64.1	0.5%	1.3	263	1.8	681	94.1	0.8	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.4	-0.6%	1.6	263	2.5	919	16.8	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.3	-0.4%	1.6	96	1.2	482	25.5	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	64.4	-1.1%	0.8	2,752	0.9	418	154.1	3.8	2.7%	1.7%
HUT	KCN	20.9	0.5%	1.8	770	4.1	56	369.9	5.1	2.0%	1.3%
PHR	KCN	48.1	-0.1%	1.3	269	0.5	6,568	7.3	1.9	15.4%	26.9%
SZC	KCN	43.5	0.1%	1.8	216	2.0	1,405	31.0	3.2	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	21.8	0.2%	1.9	553	5.7	(2,105)	-10.3	1.3	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.4	-0.4%	1.4	196	0.1	176	70.8	1.0	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	23.4	0.4%	2.0	254	6.4	(2,655)	-8.8	1.2	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	58.2	1.0%	0.5	161	2.0	5,309	11.0	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	26.3	0.0%	1.7	83	0.5	1,482	17.7	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BDS	17.7	0.6%	1.7	1,425	8.0	(295)	-59.9	0.9	3.8%	1.9%
DXG	BDS	19.4	0.5%	2.2	490	13.7	(317)	-61.4	0.9	18.5%	3.4%
HDC	BDS	33.3	0.3%	1.6	186	1.8	2,190	15.2	2.4	2.0%	16.9%
DIG	BDS	26.4	0.0%	2.1	664	12.0	152	173.1	2.1	5.6%	1.1%
IJC	BDS	14.6	0.0%	1.6	152	0.8	1,597	9.1	1.0	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	19.1	0.5%	1.4	0	3.4	1,596	12.0	1.2	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	26.4	1.9%	0.7	353	2.7	2,993	8.8	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	32.9	0.6%	1.3	110	0.1	1,353	24.3	2.1	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	23.3	-1.1%	0.9	114	0.1	1,980	11.8	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	59.0	0.5%	0.7	996	0.7	6,445	9.2	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	23.2	0.4%	2.1	814	9.3	384	60.2	1.0	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	24.6	-0.4%	0.6	293	0.7	2,560	9.6	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	28.4	1.1%	1.4	358	1.4	2,739	10.4	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	28.0	2.8%	1.6	360	3.3	944	29.7	1.4	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.4	1.1%	0.6	190	0.1	636	21.1	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	9.3	2.0%	2.2	204	2.5	(79)	-117.8	0.4	2.0%	0.3%
SAB	F&B	65.0	-0.8%	0.8	3,442	1.0	3,518	18.5	3.4	62.3%	18.7%
QNS	F&B	44.8	0.2%	0.4	0	0.5	4,965	9.0	2.1	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	101.5	2.4%	0.8	571	1.6	(327)	-310.1	8.7	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	52.6	-1.1%	1.6	363	2.3	2,984	17.6	4.0	23.6%	21.9%
DBC	F&B	26.2	1.8%	1.9	261	12.9	551	47.5	1.4	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	27.2	-0.9%	1.5	120	0.4	837	32.6	1.5	1.4%	5.7%
BAF	F&B	25.7	0.0%	0.0	152	2.5	1,225	21.0	2.1	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	32.0	-0.5%	1.6	176	1.8	2,162	14.8	1.6	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	30.0	3.3%	1.0	165	2.0	1,370	21.9	1.3	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	36.2	0.3%	1.5	158	2.1	5,742	6.3	1.3	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	91.3	1.9%	1.0	431	1.3	4,238	21.5	6.4	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	19.9	3.1%	1.4	93	3.5	2,353	8.5	1.5	21.5%	17.1%

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639